

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Thoại Sơn
Quận (Huyện): Thị xã Duy Tiên

SỔ THU VÀ THANH TOÁN

Đơn vị: [Thị điểm] Trường tiểu học Edu Platform 1
Năm học: 2022 - 2023

SỔ THU VÀ THANH TOÁN

Tháng 10 năm học 2022 - 2023

Lớp: Ghep 1

Ngày thu	Số TT	Số chứng từ	Mã học sinh	Mã thống kê	Họ và tên	Ngày sinh	Sử dụng số dư	Thu mới	Thông tin khác	Tiền thừa	Tổng cộng	Thông tin khác	Thực thu	Ghi chú
03/02	1		6oq3vv o8		Bùi Linh Nhi	20/01/2015		337.500,0		57.040,0	394.540,0		394.540,0	
03/02	2		692x00 v8		Nguyễn Anh Tú 1	28/01/2015		337.500,0		187.500,0	525.000,0		525.000,0	
Cộng														
12/03	1	CT230	6w01d9 g7		Mai Quý Thanh Nam	03/01/2015		15.000,0		712.712,0	727.712,0		727.712,0	
12/03	2	CT229	60mj0y w7		Đỗ Gia Linh	05/01/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	3	CT234	8229y4 y8		Đỗ Phú Thành	07/01/2015		352.500,0		300.212,0	652.712,0		652.712,0	
12/03	4	CT235	7e14x1j 8		Đỗ Huyền Trang	10/01/2015		352.500,0		555.212,0	907.712,0		907.712,0	
12/03	5	CT232	7ywmx w58		Đỗ Gia Quốc	15/01/2015		352.500,0		517.500,0	870.000,0		870.000,0	
12/03	6	CT226	6w01d0 g7		HS chưa xếp lớp 1	18/01/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	7	CT231	6oq3vv o8		Bùi Linh Nhi	21/01/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	8	CT228	692x0g v8		HS chưa xếp lớp 5	24/01/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	9	CT233	6xnl33e 8		Lê Văn Quy	26/01/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	10	CT227	692x00 v8		Nguyễn Anh Tú 1	29/01/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
Cộng														
16/12	1	CT98	6w01d9 g7		Mai Quý Thanh Nam	02/01/2015				404.310,0	404.310,0		404.310,0	
16/12	2	CT95	60mj0y w7		Đỗ Gia Linh	04/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	

Ngày thu	Số TT	Số chứng từ	Mã học sinh	Mã thống kê	Họ và tên	Ngày sinh	Sử dụng số dư	Thu mới	Thông tin khác	Tiền thừa	Tổng cộng	Thông tin khác	Thực thu	Ghi chú
16/12	3	CT109	8229y4y8		Đỗ Phú Thành	06/01/2015		486.000,0		(171.690,0)	314.310,0		314.310,0	
16/12	4	CT108	8zw5q0x8		Vũ Bảo Tâm	08/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	5	CT111	7el4xij8		Đỗ Huyền Trang	09/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	6	CT93	8zw5qwx8		HS chưa xếp lớp 6	11/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	7	CT110	6q2qy2j6		Lê Bảo Trâm	12/01/2015		486.000,0		(171.690,0)	314.310,0		314.310,0	
16/12	8	CT104	7ywmxw58		Đỗ Gia Quốc	13/01/2015		486.000,0		144.000,0	630.000,0		630.000,0	
16/12	9	CT102	692v0jv8		Lê Kiều Oanh	16/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	10	CT89	6w01d0g7		HS chưa xếp lớp 1	17/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	11	CT100	6oq3vvo8		Bùi Linh Nhi	19/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	12	CT92	692v0gv8		HS chưa xếp lớp 5	22/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	13	CT105	6xnl33e8		Lê Văn Quy	25/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	14	CT90	692v00v8		Nguyễn Anh Tú 1	27/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	15	CT91	64dlrry6		Nguyễn Anh Tú 1	30/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
Cộng														
18/02	1	CT140	7ywmxw58		Đỗ Gia Quốc	14/01/2015		6.000,0		104.000,0	110.000,0		110.000,0	
18/02	2	CT139	692v0gv8		HS chưa xếp lớp 5	23/01/2015				300.000,0	300.000,0		300.000,0	
Cộng														
Tổng cộng														
19.284.288,0														

Ngày thu	Số TT	Số chứng từ	Mã học sinh	Mã thống kê	Họ và tên	Ngày sinh	Sử dụng số dư	Thu mới	Thông tin khác	Tiền thừa	Tổng cộng	Thông tin khác	Thực thu	Ghi chú
----------	-------	-------------	-------------	-------------	-----------	-----------	---------------	---------	----------------	-----------	-----------	----------------	----------	---------

Phân tích				
STT	Khoản thu	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đồng phục mùa đông	10,0	150.000,0	1.500.000,0
2	Đồng phục mùa hè	10,0	150.000,0	1.500.000,0
3	Sữa học đường	472,0	2.954,0	1.394.288,0
4	Tiền ăn bán trú	419,0	15.000,0	6.285.000,0
5	Tiền hoa quả	410,0	20.000,0	8.200.000,0
6	Tiền TH	135,0	3.000,0	405.000,0
Tổng thu				19.284.288,0

Ban Giám Hiệu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày tháng năm
Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN THOẠI SƠN
[THÍ ĐIỂM] TRƯỜNG TIỂU HỌC EDU PLATFORM 1

SỔ THU VÀ THANH TOÁN

Tháng 10 năm học 2022 - 2023

Lớp: Ghep 2

Ngày thu	Số TT	Số chứng từ	Mã học sinh	Mã thống kê	Họ và tên	Ngày sinh	Sử dụng số dư	Thu mới	Thông tin khác	Tiền thừa	Tổng cộng	Thông tin khác	Thực thu	Ghi chú
12/03	1	CT150	8d1p33r7		Nguyễn Văn Lợi	01/02/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	2	CT159	8pxxo16		Nguyễn Thị Cẩm Tú	03/02/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	3	CT153	7nxd0428		Nguyễn Thị Hồng Nhung	05/02/2015		15.000,0		412.712,0	427.712,0		427.712,0	
12/03	4	CT155	8pxxo296		Nguyễn Dương Tú Quỳnh	07/02/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	5	CT157	83zmodo7		Tô Thị Hải Trang	09/02/2015		352.500,0		472.500,0	825.000,0		825.000,0	
12/03	6	CT156	8vg9zvd8		Lê Hoàng Sơn	11/02/2015		15.000,0		712.712,0	727.712,0		727.712,0	
12/03	7	CT154	6m3ze3k8		Phạm Thị Phát	13/02/2015		352.500,0		472.500,0	825.000,0		825.000,0	
12/03	8	CT151	8d1p31j7		Trần Văn Mai	15/02/2015		352.500,0		217.500,0	570.000,0		570.000,0	
12/03	9	CT158	692x02r8		Nguyễn Thị Trúc	17/02/2015		352.500,0		600.212,0	952.712,0		952.712,0	
12/03	10	CT152	81kg0o46		Trần Văn Nhật	19/02/2015		15.000,0		367.712,0	382.712,0		382.712,0	
12/03	11	CT149	8ld4n1m6		Phạm Quỳnh Anh	21/02/2015		352.500,0		517.500,0	870.000,0		870.000,0	
Cộng											5.573.984,0		8.438.984,0	
16/12	1	CT96	8d1p33r7		Nguyễn Văn Lợi	31/01/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	2	CT114	8pxxo16		Nguyễn Thị Cẩm Tú	02/02/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	3	CT101	7nxd0428		Nguyễn Thị Hồng Nhung	04/02/2015				44.310,0	44.310,0		44.310,0	
16/12	4	CT106	8pxxo296		Nguyễn Dương Tú Quỳnh	06/02/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	

Ngày thu	Số TT	Số chứng từ	Mã học sinh	Mã thống kê	Họ và tên	Ngày sinh	Sử dụng số dư	Thu mới	Thông tin khác	Tiền thừa	Tổng cộng	Thông tin khác	Thực thu	Ghi chú
16/12	5	CT112	83zmod o7		Tô Thị Hải Trang	08/02/2015		486.000,0		144.000,0	630.000,0		630.000,0	
16/12	6	CT107	8vg9zv d8		Lê Hoàng Sơn	10/02/2015				404.310,0	404.310,0		404.310,0	
16/12	7	CT103	6m3ze3 k8		Phạm Thị Phát	12/02/2015		486.000,0		144.000,0	630.000,0		630.000,0	
16/12	8	CT97	8dlp3lj 7		Trần Văn Mai	14/02/2015		486.000,0		(216.000,0)	270.000,0		270.000,0	
16/12	9	CT113	692x02 r8		Nguyễn Thị Trúc	16/02/2015		486.000,0		188.310,0	674.310,0		674.310,0	
16/12	10	CT99	81kg0o 46		Trần Văn Nhật	18/02/2015				44.310,0	44.310,0		44.310,0	
16/12	11	CT94	8ld4n1 m6		Phạm Quỳnh Anh	20/02/2015		486.000,0		144.000,0	630.000,0		630.000,0	
Cộng														
Tổng cộng														
								3.888.000,0		1.462.170,0	5.350.170,0		5.350.170,0	
								6.753.000,0		7.036.154,0	13.789.154,0		13.789.154,0	

Phân tích				
STT	Khoản thu	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đồng phục mùa đông	11,0	150.000,0	1.650.000,0
2	Đồng phục mùa hè	11,0	150.000,0	1.650.000,0
3	Sữa học đường	301,0	2.954,0	889.154,0
4	Tiền ăn bán trú	264,0	15.000,0	3.960.000,0
5	Tiền hoa quả	264,0	20.000,0	5.280.000,0
6	Tiền TH	120,0	3.000,0	360.000,0
Tổng thu				13.789.154,0

Ngày thu	Số TT	Số chứng từ	Mã học sinh	Mã thống kê	Họ và tên	Ngày sinh	Sử dụng số đư	Thu mới	Thông tin khác	Tiền thừa	Tổng cộng	Thông tin khác	Thực thu	Ghi chú
-------------	----------	----------------	----------------	-------------------	-----------	-----------	------------------	---------	-------------------	-----------	-----------	-------------------	----------	---------

....., ngày tháng năm

Ban Giám Hiệu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán
(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ quỹ
(Ký, ghi rõ họ tên)